

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 9 - 2020.

V/v ly hôn giữa chị Th và anh Tr

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng;
2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020. Về vụ án xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST - DS ngày 01/9/2020 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Đoàn Thị Th - Sinh năm: 1985;

Nơi ĐKKHKT tại: Xóm 09, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Chỗ ở hiện nay: Đội 6 HTX Ph, Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành Tr - Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Xóm 09, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị Th, vắng mặt anh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Đoàn Thị Th trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thành Tr vào tháng 01/2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại xã N, do

kinh tế khó khăn vợ chồng đưa nhau vào miền nam làm ăn mưu sinh vợ chồng phát sinh là do anh Tr có biểu hiện không chung thủy, chị đã động viên khuyên giải nhưng anh Tr không thay đổi vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2015. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr là không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thành Tr. Về con chung chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D sinh ngày 13/12/2008 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu D đang ở với anh Tr và bố mẹ đẻ của anh Tr là Nguyễn Hồng Qu tại xóm 9 xã N. Vợ chồng ly hôn do cháu D có nguyện vọng được ở với bố vì vậy chị cũng nhất trí để anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và chị không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng anh Tr mà chị cho con bao nhiêu là do chị quyết định. Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu tòa giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Thành Tr vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng tại bản tự khai của anh Tr thể hiện: Anh xác định việc chị Th khai về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị Th với anh là đúng, vợ chồng được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống cũng như trong việc làm ăn kinh tế, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện vì vậy vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị Th có đơn xin ly hôn quan điểm của anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Về con chung anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D sinh ngày 13/12/2008 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu D đang ở với anh và bố mẹ đẻ của anh tại xóm 9 xã N, vợ chồng ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị Th phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh. Việc chị Th cho con bao nhiêu là tùy thuộc vào chị Th. Về tài sản chung anh xác định vợ chồng không có, không cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: chị Th xác định mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm nay có đơn xin ly hôn, anh Tr cũng thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã lớn và nhất trí thuận tình ly hôn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Th và anh Tr thống nhất giao con chung là cháu D cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng chị Th không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung chị Th và anh Tr thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị Th phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Đoàn Thị Th và anh Nguyễn Thành Tr đều đăng ký hộ khẩu và hiện có địa chỉ thường trú tại huyện N, tỉnh Nam Định. Chị Th có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vụ án của anh chị được Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Thành Tr vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh Tr là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Th và anh Nguyễn Thành Tr vào tháng 01 năm 2008 được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt cũng như trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ năm cuối năm 2015. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh Tr xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm và anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị Th và anh Tr là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đoàn Thị Th và anh Nguyễn Thành Tr đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D sinh ngày 13/12/2008 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu D đang ở với anh Tr. Vợ chồng ly hôn chị Th và anh Tr đều thống nhất thoả thuận giao cháu D cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh Tr, bản thân cháu D cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Xét nguyện vọng về giải quyết con chung của chị Th và anh Tr thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Đoàn Thị Th và anh Nguyễn Thành Tr thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Đoàn Thị Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 6 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Th và anh Nguyễn Thành Tr.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Hoàng D sinh ngày 13/12/2008 cho anh Nguyễn Thành Tr trực tiếp nuôi dưỡng (hiện nay cháu D đang do anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng), chị Th không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tr. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Đoàn Thị Th phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001696 ngày 30/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương